Họ và tên: .....

Lớp: .....

Toán 5 – Bài 31: Ôn tập các phép tính với số thập phân.

Bài 1. Điền chữ số lớn nhất thích hợp vào ô trống để phép so sánh đúng.

a) $63,...6 < 63,54$

b) $55,...27 < 55,864$

c) $42,...81 < 42,803$

d) $25,...0 < 25,4$

Bài 2. Điền Đ nếu phép tính đúng, điền S nếu phép tính sai.

a) $(2508,25 + 7539) + 22,818 = 2508,25 + (7539 + 10)$ Kết luận: ...

b) $(7687 + 73\,058,7) + 7806,19 = 7687 + (73\,058,7 + 7806,19)$ Kết luận: ...

c) $(3568 + 3861) + 28\,310,2 = 3568 + (3861 + 459,867)$ Kết luận: ...

d) $5807 + (888,702 + 1180) = (5807 + 888,702) + 1180$ Kết luận: ...

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống.

a) $1568,269 - ... ... - 824,679 = 557,1$

b) $781,024 - ... ... - 285,504 = 296,2$

c) $1931,683 - ... ... - 797,3 = 460,635$

d) $1458,623 - ... ... - 557,08 = 787,943$

Bài 4. Điền số thích hợp vào ô trống.

a) $... ... ... - 272 - 84,06 = 395,15$

b) $... ... ... - 204,81 - 381,02 = 499$

c) $... ... ... - 322,1 - 469,4 = 456$

d) $... ... ... - 265,4 - 218,34 = 279,2$

Bài 5. Đặt tính rồi tính.

a) 7513 : 55

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) 119 : 2

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) 1434 : 50

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d) 9632 : 40

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Đặt tính rồi tính các phép cộng sau.

a) 2503,727 + 436,3

.....

.....

.....

b) 60928,24 + 49473,849

.....

.....

.....

c) 40,89 + 0,6
.....
.....
.....

d) 39,66 + 58,4
.....
.....
.....

Bài 7. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào chỗ trống.

a) $1215{,}8 \ldots 1215{,}8 \times 10$
b) $7478{,}75 \ldots 7478{,}75 \times 1000$
c) $1954{,}323 \ldots 1954{,}323 \times 100$
d) $6107{,}91 \ldots 6107{,}91 \times 100$

Bài 8. Điền số thích hợp vào chỗ trống trong các phép đổi đơn vị sau.

a) $20949{,}862\text{g} =$ ... ...kg
b) $1328{,}699\text{ml} =$ l
c) $3817{,}163\text{cm} =$ ... ...m
d) $2622{,}532\text{mm} =$ ... ...cm

Bài 9. Tính nhanh giá trị các biểu thức sau.

a) $8417{,}53 + 9319{,}9 : 10 =$ ... ...
b) $249{,}656 - 1868{,}484 : 1000 =$ ... ...
c) $2662{,}27 - 6928{,}131 : 100 =$ ... ...
d) $6472{,}5 - 5907{,}1 : 100 =$ ... ...

Bài 10. Điền số thích hợp vào ô trống.

a) ... ... $\times 0{,}1 = 34{,}7199$
b) ... ... $\times 0{,}001 = 66{,}43968$
c) ... ... $\times 0{,}01 = 5{,}447$
d) ... ... $\times 0{,}001 = 26898{,}0886$

Bài 11. Tính nhẩm các phép tính sau.

a) $366041{,}699 \times 1000 =$ ... ...
b) $925909{,}057 \times 10 =$ ... ...
c) $732722{,}72 \times 100 =$ ... ...
d) $412164{,}5 \times 10 =$ ... ...
e) $471121{,}473 \times 100 =$ ... ...
f) $938685{,}81 \times 1000 =$ ... ...
g) $939414{,}2 \times 1000 =$ ... ...
h) $728379{,}7 \times 100 =$ ... ...

Bài 12. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

a) $460{,}91 +$ ... ... $= 1335{,}34$
b) $438{,}943 +$ ... ... $= 1018{,}198$
c) $318{,}12 +$ ... ... $= 319{,}05$
d) ... ... $+ 999{,}27 = 1267{,}81$

Bài 13. Giải bài toán sau.

Lan rót nước vào ba chai, dung tích nước trong mỗi chai lần lượt là 3,7l; 3,7l và 13,94l. Tính tổng dung tích nước trong ba chai.

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 14. Trong buổi ngoại khóa, các bạn ghi lại độ dài ba quãng đường đi bộ: quãng đường quanh sân dài 0,668km; quãng đường ven hồ dài 1,53km; quãng đường qua vườn cây dài 4,247km.

Viết tên ba đối tượng theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất.

Bài giải

……
……
……

Bài 15. Một nền một phòng học có dạng hình chữ nhật, diện tích là 42m^2. Một cạnh của hình chữ nhật đó dài 3,5m. Tính chu vi của nền một phòng học đó.

Trình bày cách tìm cạnh còn lại rồi tính chu vi của nền một phòng học.

Bài giải

……
……
……
……
……

Bài 16. Giải bài toán sau.

Một sợi dây dài 636,4m được cắt thành 74 đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn.

Bài giải

……
……
……
……

Bài 17. Một phòng sinh hoạt có hai tấm thảm hình chữ nhật. Tấm thảm thứ nhất có chiều dài 6,8m và chiều rộng 3,25m. Tấm thảm thứ hai có chiều dài 6,25m và chiều rộng 2,4m. Tính tổng diện tích của hai tấm thảm đó.

Trình bày bài giải để tìm tổng diện tích của hai tấm thảm.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……

Bài 18. Một can nước ép có 976,675l nước ép, rót đều vào 35 chai. Từ một chai, Mai uống bớt 16,005l nước ép. Em hãy giải bài toán theo các bước dưới đây.

a) Tìm lượng nước ép trong mỗi chai sau khi chia đều.

b) Tìm lượng nước ép còn lại trong chai đó sau khi dùng bớt.

Bài giải

……
……
……
……

Bài 19. Trình bày bài giải cho bài toán sau.

Một người thợ chuẩn bị hai nhóm đoạn dây điện. Nhóm thứ nhất có 13 đoạn, mỗi đoạn dài 20,2cm. Nhóm thứ hai có 10 đoạn, mỗi đoạn dài 45,62cm. Tính tổng độ dài của cả hai nhóm đoạn dây điện đó.

Bài giải

……
……
……
……
……
……
……

Bài 20. Tính diện tích chênh lệch giữa hai hình chữ nhật trong bài toán sau.

Hai khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng nhau. Khu vườn thứ nhất có chiều rộng là 15,35m và chiều dài là 14,8m. Khu vườn thứ hai có chiều rộng là 15,35m và chiều dài là 19,9m. Diện tích khu vườn thứ hai lớn hơn diện tích khu vườn thứ nhất bao nhiêu m^2?

Bài giải

……
……
……
……
……
……

----HẾT---

